

Bản án số 225/2022/DS-PT

Ngày 18 - 8 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Văn Út

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tú Anh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 128/2022/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 146/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thiệu Văn T1, sinh năm 1972.

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Số 162, ấp B, xã Đ, thành phố C, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Đường H, khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh C ..

- Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1956.

Ông Thiệu Văn N, sinh năm 1956 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 143, ấp B, xã Đ, thành phố C., tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị P: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị P, ông Thiệu Văn N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện cho nguyên đơn trình bày: Vào năm 2017 ông T1, bà C có cho ông N, bà P vay số tiền 750.000.000đ lãi suất thỏa thuận 2%/tháng nhưng sau khi vay ông N, bà P không thanh toán vốn lãi nên đến ngày 09/01/2020 ông Thiệu Văn N và bà Trần Thị P chuyển nhượng lại cho ông T1, bà C phần đất với giá 150.000.000đ, đối trừ với khoản tiền vay đồng thời ông N, bà P ký giấy biên nhận còn nợ ông T1, bà C số tiền 600.000.000đ. Sau đó ông N, bà P có thanh toán được số tiền 42.000.000đ, hiện còn nợ 558.000.000đ. Nay yêu cầu ông N, bà P có trách nhiệm thanh toán vốn và lãi là 798.832.000đ trong đó vốn 558.000.000đ, lãi theo nhà nước qui định (vốn 558.000.000đ x 1,66% x 26 tháng = 240.832.800 đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn tự nguyện giảm lãi, chỉ yêu cầu số tiền lãi là 100.000.000đ. Như vậy tổng số tiền vốn và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 658.000.000đ.

Bị đơn ông Thiệu Văn N trình bày: Vào năm 2018 con dâu ông là Nguyễn Thị T2 có vay của ông Thiệu Văn T1 2 lần, lần 1 vào ngày 15/6/2018 al vay số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng nên đóng lãi mỗi tháng 17.500.000đ, chị T2 đã trả lãi được 07 lần số tiền 122.500.000đ (đến ngày 15/01/2019 thì ngưng); lần 2 vào ngày 20/7/2018 vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng mỗi tháng đóng 24.000.000đ tiền lãi, đã đóng lãi được 06 lần số tiền 144.000.000 đồng. Đến khi Nguyễn Thị T2 không còn khả năng thanh toán ông đã bán đất và trả cho ông T1 được số tiền vốn là 150.000.000 đồng nên ông đồng ý ký nhận còn nợ ông T1 600.000.000đ. Hai bên thỏa thuận mỗi tháng trả vốn 2.000.000đ, ông trả được 42.000.000 đồng. Nay ông đồng ý cùng nhận trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn còn lại là 558.000.000đ, không đồng ý thanh toán trả lãi.

Bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Bà xác định bà P hoàn toàn không biết việc ông N ký nhận nợ thay, tại phiên tòa với tư cách là người đại diện cho bà P xác định bà P thống nhất cùng với ông N có trách nhiệm thanh toán nợ. Quá trình vay tiền ông N chỉ là người ký nhận tiền nhưng bà T2 (là con dâu) mới là người vay và nhận tiền 750.000.000đ và chị T2 là người trực tiếp đóng lãi cho ông T1. Khi vay ông T1 buộc ông N, bà P đứng ra nhận nợ thì ông T1 mới cho vay, thực chất bà mới là người vay. Bà xác định thời gian vay, số tiền vay, số tiền đóng lãi và số tiền đã thanh toán đúng như ông N đã trình bày.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2022/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Thiệu Văn N và bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Thiệu Văn T1, bà Nguyễn Thị C số tiền là 658.000.000 đồng. Trong đó vốn là 558.000.000đ, lãi là 100.000.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 22/6/2022, ông Thiệu Văn N và bà Trần Thị P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng đồng ý trả tiền vốn 558.000.000đ, không đồng ý trả lãi và bà Trần Thị P không có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền trên. Tại phiên tòa phúc thẩm ông, bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Thiệu Văn N và bà Trần Thị P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 128/2022/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Thiệu Văn N và bà Trần Thị P về việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông N có trách nhiệm thanh toán tiền vốn 558.000.000đ, không đồng ý trả lãi, thấy rằng:

Giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được đôi bên thừa nhận và thống nhất khoản nợ cần tiếp tục thanh toán là 558.000.000đ. Tuy nhiên, ông N cho rằng trước khi làm biên nhận nợ con dâu ông là bà T2 đã trả lãi nhiều và khi làm biên nhận nợ 600.000.000đ ông và ông T1 có thỏa thuận, ông sẽ trả hàng tháng 2.000.000đ đến khi hết nợ gốc và không tính lãi suất, ông đã thực hiện trả được 42.000.000đ, ông vẫn trả tiếp hàng tháng theo thỏa thuận là 2.000.000đ nay ông T1 không nhận tiền mà khởi kiện yêu cầu trả thêm khoản lãi suất nên ông không đồng ý. Song, giao dịch vay các đương sự đều thừa nhận có thỏa thuận về lãi, và việc bị đơn cho rằng đã trả lãi với mức lãi suất cao và trả dần vốn không được nguyên đơn chấp nhận; bị đơn hoàn toàn không có chứng cứ chứng minh, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu của ông N và bị đơn cũng không bổ sung thêm chứng cứ để chứng minh lời trình bày của mình, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận tính lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[2] Đối với yêu cầu của bị đơn cho rằng bà P không có nghĩa vụ liên đới thanh toán vì bà P không biết việc thỏa thuận giữa ông N với ông T1, cũng không đứng ra nhận nợ thay cho chị T2, chữ ký của bà P tại giấy nhận nợ ngày 09/01/2020 là giả mạo. Tuy nhiên tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà P là chị T2 thống nhất bà P cùng liên đới cùng ông N có trách nhiệm thanh toán nợ cho ông T1, bà C. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn khước từ trách nhiệm liên đới nhưng không chứng minh được lời trình bày của mình và thực tế ông N, bà P đang tồn tại mối quan hệ vợ chồng nên việc khước từ trách nhiệm thanh toán của bà P là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Án phí phúc thẩm ông Thiệu Văn N và bà Trần Thị P được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Thiệu Văn N và bà Trần Thị P. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 128/2022/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Thiệu Văn N và bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Thiệu Văn T1, bà Nguyễn Thị C số tiền là 658.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi tám triệu đồng). Trong đó vốn là 558.000.000đ, lãi là 100.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thiệu Văn T1, bà Nguyễn Thị C không phải nộp, ngày 21/4/2022 ông Thiệu Văn T1, bà Nguyễn Thị C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 17.977.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001201 được nhận lại.

Ông Thiệu Văn N và bà Trần Thị P được miễn.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thiệu Văn N và bà Trần Thị P được miễn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thanh Hùng